

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 7 -2022

V/v “Ly hôn và
tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thanh Hương

2. Bà Phan Thị Vui

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện

H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:53/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 20/6/2022; quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST- DS ngày 08/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thị L, sinh năm 1996, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 1, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Điều B, sinh năm 1994, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Thị L trình bày: Bà Thị L và ông Điều B sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh B, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là do vợ chồng cự cãi và xúc phạm nhau, không có tiếng nói chung và ông Bình không còn quan tâm lo lắng chăm sóc, yêu thương và tôn trọng vợ con. Bà

Thị L thấy cuộc sống tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục, vợ chồng đã ly thân nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết để được ly hôn ông Điều B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chúng tôi có 02 con chung tên Thị Lan T, sinh ngày 14/3/2016 và Thị Ngọc L, sinh ngày 09/11/2019. Hiện nay hai con chung đang ở với bà Thị L được bà L nuôi dưỡng nên bà L tự nguyện nuôi dưỡng hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L yêu cầu ông Điều B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng.

Bị đơn ông Điều B: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo về việc thụ lý vụ, thông báo về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên ông Điều B không chấp hành nên không có lời khai và bản trình bày ý kiến của ông Bình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị L:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bà Thị L ly hôn với ông Điều B

- Về con chung: Giao con chung 02 con chung Thị Lan T, sinh ngày 14/3/2016 và Thị Ngọc L, sinh ngày 09/11/2019 cho bà Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành tự lao động được.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Điều B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét

Về nợ chung: Nguyên đơn khai không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: Bà Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Điều B, có nơi cư trú tại: Tổ 3, ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến vụ án, tuy nhiên ông Điều B không chấp hành theo triệu tập của Tòa án, nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa ngày 08/7/2022 ông Điều B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa bà Thị L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Điều B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà Thị L và ông Điều B

- Xét yêu cầu khởi kiện của bà Thị Phượng thấy rằng:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị Phượng và ông Điều B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh B, huyện H, tỉnh Bình Phước. Hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 08 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thị L xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề của cuộc sống. Hiện nay vợ chồng đã ly thân. Qua xác minh tại nơi cư trú của đương sự đã xác định vợ chồng bà L, ông Bình có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là không hợp nhau, vợ chồng không còn chung sống hạnh phúc, hiện nay bà L, ông Bình đã ly thân. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Phượng, ông Bình đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà L yêu cầu ly hôn với ông Bình là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông Bình có 02 con chung Thị Lan T, sinh ngày 14/3/2016 và Thị Ngọc L, sinh ngày 09/11/2019, qua xác minh thực tế hiện nay cả 02 con chung đang ở với bà Thị L, được bà Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, quá trình giải quyết vụ án bà Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết được trực tiếp nuôi 02 chung nên cần giao 02 con chung Thị Lan T, sinh ngày 14/3/2016 và Thị Ngọc L, sinh ngày 09/11/2019 cho bà Thị L tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành tự lao động được là phù hợp thực tế.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Thị L yêu cầu ông Điều B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng trên là phù hợp nên được chấp nhận nên cần buộc ông Điều B cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[8] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị L

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bà Thị L ly hôn với ông Điều B (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 30 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân xã Thanh B, huyện H, tỉnh Bình Phước).

2. Về con chung: Giao 02 con chung Thị Lan T, sinh ngày 14/3/2016 và Thị Ngọc L, sinh ngày 09/11/2019 cho bà Thị L trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành tự lao động được.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Điều B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Thị Lan T, sinh ngày 14/3/2016 và Thị Ngọc L, sinh ngày 09/11/2019 mỗi tháng 1.000.000 đồng.

4. Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có nên không xem xét

5. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không xem xét.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Thị L đã nộp theo biên lai thu số 0013783 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG QUỐC THÀNH